ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ❍ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ❍ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ❍ 1196 3/2 street, Binh Thui ward, HCMC, Vietnam

Q326E068695 (MTTN26009550.11)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	30/06/2026 Trang/ *Page:* 1/12

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ
Vị trí lấy mẫu: Trạm nước mặt Hà Lan, Đèo Hà Lan, Phường Cư Bao, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ *Sampling date:* 08h30 – 18/06/2026

2. Mô tả mẫu / *Description* : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle, Whirl Pak bag*
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / *Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009550 ngày 18/06/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26009550 dated 18/06/2026*

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 18/06/2026

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 18/06/2026 - 30/06/2026

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm / *Testing result (s)* : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG *HEAD OF ENVIROMENTAL LAB*	**PHÓ GIÁM ĐỐC** *VICE DIRECTOR*
Nguyễn Hoàng Linh	**Phan Thanh Trung**

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.11)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Phương pháp lấy mẫu *The name of sampling method*	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa *Sampling for chemical analysis*	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh *Sampling for microbiological analysis*	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.1	Hàm lượng bor tính chung cho cả borat và axit boric (B) *Boron content (Boron and boric acid)*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2,4
7.2	Hàm lượng xyanua tổng (CN^-) *Cyanide content*	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005	0,05
7.3	Hàm lượng acrylamide *Acrylamide content*	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPH	0,1	0,5
7.4	Hàm lượng antimon (Sb) *Antimony content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,02
7.5	Hàm lượng bari (Ba) *Barium content*	mg/L	US EPA 200.8	0,03	-	1,3
7.6	Hàm lượng cadmi (Cd) *Cadmium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,003
7.7	Hàm lượng chlorotoluron *Chlorotoluron content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.8	Hàm lượng chì (Pb) *Lead content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,01

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.11)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.9	Hàm lượng clorua (Cl^-) *Chloride content*	mg/L	SMEWW 4110B:2023	5,1	-	250 hoặc 300
7.10	Hàm lượng crom (Cr) *Chromium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,05
7.11	Hàm lượng epiclohydrin *Epiclohydrin content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,4
7.12*	Hàm lượng florua (F^-) *Fluoride content*	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,1 (LOQ)	0,03	1,5
7.13	Hàm lượng formaldehyde *Formaldehyde content*	µg/L	QUATEST3 1225:2024	KPH	100	500
7.14	Hàm lượng kẽm (Zn) *Zinc content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2
7.15	Hàm lượng mangan (Mn) *Manganese content*	mg/L	US EPA 200.8	0,07	-	0,1
7.16	Hàm lượng monochloramine *Monochloramine content*	µg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	20	3.000
7.17	Hàm lượng natri (Na) *Sodium content*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	2,54	-	200
7.18	Hàm lượng nhôm (Al) *Aluminium content*	mg/L	US EPA 200.8	0,07	-	0,2
7.19	Hàm lượng niken (Ni) *Nickel content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,07
7.20	Hàm lượng nitrat (NO_3^- tính theo N) *Nitrate (NO_3^- as N) content*	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,1	-	11

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.11)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.21	Hàm lượng nitrit (NO_2^- tính theo N) *Nitrite (NO_2^- as N) content*	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01	0,9
7.22	Hàm lượng selen (Se) *Selenium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,04
7.23	Hàm lượng sulfate (SO_4^{2-}) *Sulfate content*	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,6	-	250
7.24	Hàm lượng sunfua (S^{2-}) *Sulfide content*	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-} D:2023	KPH	0,02	0,05
7.25	Hàm lượng sắt (Fe) *Iron content*	mg/L	US EPA 200.8	0,02	-	0,3
7.26	Hàm lượng thủy ngân (Hg) *Mercury content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002	0,001
7.27	Hàm lượng vinyl chloride *Vinyl chloride content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,3
7.28	Hàm lượng đồng (Cu) *Copper content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1
7.29	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) *Total dissolved solids content*	mg/L	SMEWW 2540C:2023	39,0	-	1.000
7.30	Độ cứng tổng số (tính theo $CaCO_3$) *Total hardness as $CaCO_3$*	mg/L	SMEWW 2340C:2023	27,8	-	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068695
(MTTN26009550.11)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.31	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane *1,1,1-trichloroethane content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2.000
7.32	Hàm lượng 1,2-dichloroethane *1,2-dichloroethane content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	30
7.33	Hàm lượng carbon tetrachloride *Carbontetra chloride content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2
7.34	Hàm lượng dichloromethane *Dichloromethane content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5	20
7.35	Hàm lượng 1,2-dichloroethene *1,2-dichloroethene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50
7.36	Hàm lượng tetrachloroethene *Tetrachloroethene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.37	Hàm lượng trichloroethene *Trichloroethene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	8
7.38	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene *1,2-diclorobenzen content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	1.000

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.ext@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.ext@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.11)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.39	Hàm lượng monochlorobenzene *Monochlorobenzen content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.40	Hàm lượng tổng trichlorobenzene *Total Trichlorobenzene content*	µg/L	US EPA 8260D	-	-	20
7.40.1	1,2,3-trichlorobenzene *1,2,3 Trichlorobenzene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40.2	1,2,4-trichlorobenzene *1,2,4 Trichlorobenzene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40.3	1,3,5-trichlorobenzene *1,3,5 Trichlorobenzene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.41	Hàm lượng bromat (BrO_3^-) *Bromate content*	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4	10
7.42	Hàm lượng alachlor *Alachlor content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.43	Hàm lượng molinate *Molinate content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	6
7.44	Hàm lượng hexachlorobutadiene *Hexachlorobutadiene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13	0,6

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.11)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.45	Hàm lượng 1,2-dibromo-3 chloropropane *1,2-dibromo -3-chloropropan content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	1
7.46	Hàm lượng 1,2-dichloropropane *1,2- dicloropropan content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.47	Hàm lượng 1,3-dichloropropene *1,3-dicloropropen content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	20
7.48	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine *Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content*	-	US EPA 536	-	-	100
7.48.1	Atrazine *Atrazine*	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48.2	Atrazine-desethyl *Atrazine-desethyl*	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48.3	Atrazine-desethyl-desisopropyl *Atrazine-desethyl-desisopropyl*	µg/L	US EPA 536	KPH	7	-
7.48.4	Atrazine-desisopropyL *Atrazine-desisopropyL*	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.49	Hàm lượng cyanazine *Cyanazine content*	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2	0,6

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.11)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.50	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) *Hydroxyatrazine content*	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	200
7.51	Hàm lượng isoproturon *Isoproturon content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.52	Hàm lượng pendimethalin *Pendimethalin content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3	20
7.53	Hàm lượng propanil *Propanil content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	20
7.54	Hàm lượng simazine *Simazine content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.55	Hàm lượng aldicarb *Aldicarb content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10
7.56	Hàm lượng carbofuran *Carbofuran content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	5
7.57	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất *DDTs content*	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-	1
7.57.1	Hàm lượng 4,4'-DDD *4,4'-DDD content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57.2	Hàm lượng 4,4'-DDE *4,4'-DDE content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57.3	Hàm lượng 4,4'-DDT *4,4'-DDTcontent*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.11)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.58	Hàm lượng chlordane *Chlordane content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	0,2
7.59	Hàm lượng methoxychlor *Methoxychlor content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.60	Hàm lượng trifluralin *Trifluralin content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.61	Hàm lượng chlorpyrifos *Chlorpyrifos content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5	30
7.62	Permethrin *Permethrin*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1	20
7.63	Hàm lượng 2,4-D *2,4-D content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.64	Hàm lượng 2,4-DB *2,4-DB content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	90
7.65	Hàm lượng MCPA *MCPA content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.66	Hàm lượng dichlorprop (2,4-DP) *Dichlorprop ((2,4-DP) content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	100
7.67	Hàm lượng fenoprop *Fenoprop content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.68	Hàm lượng mecoprop (MCPP) *Mecoprop content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068695
(MTTN26009550.11)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.69	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng *Gross alpha Radioactivity*	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	0,1
7.70	Hoạt độ phóng xạ beta tổng *Gross beta Radioactivity*	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	1
7.71	Hàm lượng benzen *Benzene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	10
7.72	Hàm lượng ethylbenzen *Ethylbenzene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.73	Hàm lượng styrene *Styrene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	20
7.74	Hàm lượng toluen *Toluene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	700
7.75	Hàm lượng xylene *Xylene content*	µg/L	US EPA 8260D	-	-	500
7.75.1	Hàm lượng (m+p) xylene *m+p-Xylene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.75.2	Hàm lượng o-xylene *o-Xylene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.76	Hàm lượng acid dichloroacetic *Dichloroacetic acid content*	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	50
7.77	Hàm lượng acid monochloroacetic *Monochloroacetic acid content*	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	20

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.11)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.78	Hàm lượng acid trichloroacetic *Trichloroacetic acid content*	µg/L	US EPA 552.3	18,6	-	200
7.79	Hàm lượng dibromoacetonitrile *Dibromoacetonitrile content*	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	70
7.80	Hàm lượng dichloroacetonitrile *Dichloroacetonitrile content*	µg/L	US EPA 551.1	1,2	-	20
7.81	Hàm lượng trichloroacetonitrile *Trichloroacetonitrile content*	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	1
7.82	Hàm lượng 2,4,6-trichlorophenol *2,4,6-Trichlorophenol content*	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13	200
7.83	Hàm lượng pentachlorophenol *Pentachlorophenol content*	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2	9
7.84	Hàm lượng bromodichloromethane *Bromodichloromethane content*	µg/L	US EPA 8260D	2,7	-	60
7.85	Hàm lượng bromoform *Bromoform content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	100
7.86	Hàm lượng chloroform *Chloroform content*	µg/L	US EPA 8260D	9,7	-	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.11)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.87	Hàm lượng dibromochloromethane *Dibromochloromethane content*	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	100
7.88	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	ISO 16266:2006	< 1[c]	-	< 1
7.89	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1[c]	-	< 1

Ghi chú / *Note*:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / *Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality*
- [HT]: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 18/06/2026. / *Characteristics analyzed on site on 18/06/2026*
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / *National Standard*
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / *United States Environmental Protection Agency*
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
- ISO: International Organization for Standardization / *International Organization for Standardization*
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / *National Technical Regulation*
- KPH: Không phát hiện / *Not detected*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / *Limit of quantification of method*
- [c]: Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / *The result "< 1 CFU" is considered " target organism not - detectable" in the volume of sample analysed*
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / *Colony forming unit*

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ❍ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tam Hiep ward, Dong Nai, Vietnam ❍ C3 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ❍ 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326E068695 (MTTN26009550.12)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	30/06/2026 Trang/ *Page:* 1/12

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ
Vị trí lấy mẫu: Trạm nước ngầm Thống Nhất, Thôn Tân Hà 2, Phường Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ *Sampling date:* 09h00 – 18/06/2026

2. Mô tả mẫu / *Description* : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle, Whirl Pak bag*
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / *Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009550 ngày 18/06/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26009550 dated 18/06/2026*

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 18/06/2026

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 18/06/2026 - 30/06/2026

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm / *Testing result (s)* : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG *HEAD OF ENVIROMENTAL LAB*	**PHÓ GIÁM ĐỐC** *VICE DIRECTOR*
Nguyễn Hoàng Linh	**Phan Thành Trung**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695 (MTTN26009550.12)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	30/06/2026 Trang/ *Page:* 2/12

STT *No.*	Phương pháp lấy mẫu *The name of sampling method*	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa *Sampling for chemical analysis*	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh *Sampling for microbiological analysis*	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.1	Hàm lượng bor tính chung cho cả borat và axit boric (B) *Boron content (Boron and boric acid)*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2,4
7.2	Hàm lượng xyanua tổng (CN^-) *Cyanide content*	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005	0,05
7.3	Hàm lượng acrylamide *Acrylamide content*	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPH	0,1	0,5
7.4	Hàm lượng antimon (Sb) *Antimony content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,02
7.5	Hàm lượng bari (Ba) *Barium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1,3
7.6	Hàm lượng cadmi (Cd) *Cadmium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,003
7.7	Hàm lượng chlorotoluron *Chlorotoluron content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.8	Hàm lượng chì (Pb) *Lead content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,01

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.12)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.9	Hàm lượng clorua (Cl^-) *Chloride content*	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,6	-	250 hoặc 300
7.10	Hàm lượng crom (Cr) *Chromium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,05
7.11	Hàm lượng epiclohydrin *Epiclohydrin content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,4
7.12	Hàm lượng florua (F^-) *Fluoride content*	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03	1,5
7.13	Hàm lượng formaldehyde *Formaldehyde content*	µg/L	QUATEST3 1225:2024	KPH	100	500
7.14	Hàm lượng kẽm (Zn) *Zinc content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2
7.15	Hàm lượng mangan (Mn) *Manganese content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,1
7.16	Hàm lượng monochloramine *Monochloramine content*	µg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	20	3.000
7.17	Hàm lượng natri (Na) *Sodium content*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	10,4	-	200
7.18	Hàm lượng nhôm (Al) *Aluminium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,2
7.19	Hàm lượng niken (Ni) *Nickel content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,07
7.20	Hàm lượng nitrat (NO_3^- tính theo N) *Nitrate (NO_3^- as N) content*	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,8	-	11

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.12)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.21	Hàm lượng nitrit (NO_2^- tính theo N) *Nitrite (NO_2 as N) content*	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01	0,9
7.22	Hàm lượng selen (Se) *Selenium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,04
7.23	Hàm lượng sulfate (SO_4^{2-}) *Sulfate content*	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,1	250
7.24	Hàm lượng sunfua (S^{2-}) *Sulfide content*	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-} D:2023	KPH	0,02	0,05
7.25	Hàm lượng sắt (Fe) *Iron content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,3
7.26	Hàm lượng thủy ngân (Hg) *Mercury content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002	0,001
7.27	Hàm lượng vinyl chloride *Vinyl chloride content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,3
7.28	Hàm lượng đồng (Cu) *Copper content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1
7.29	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) *Total dissolved solids content*	mg/L	SMEWW 2540C:2023	115	-	1.000
7.30	Độ cứng tổng số (tính theo $CaCO_3$) *Total hardness as $CaCO_3$*	mg/L	SMEWW 2340C:2023	74,2	-	300

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068695
(MTTN26009550.12)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.31	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane *1,1,1-trichloroethane content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2.000
7.32	Hàm lượng 1,2-dichloroethane *1,2-dichloroethane content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	30
7.33	Hàm lượng carbon tetrachloride *Carbontetra chloride content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2
7.34	Hàm lượng dichloromethane *Dichloromethane content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5	20
7.35	Hàm lượng 1,2-dichloroethene *1,2-dichloroethene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50
7.36	Hàm lượng tetrachloroethene *Tetrachloroethene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.37	Hàm lượng trichloroethene *Trichloroethene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	8
7.38	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene *1,2-diclorobenzen content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	1.000

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sumely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.12)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.39	Hàm lượng monochlorobenzene *Monochlorobenzen content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.40	Hàm lượng tổng trichlorobenzene *Total Trichlorobenzene content*	µg/L	US EPA 8260D	-	-	20
7.40.1	1,2,3-trichlorobenzene *1,2,3 Trichlorobenzene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40.2	1,2,4-trichlorobenzene *1,2,4 Trichlorobenzene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40.3	1,3,5-trichlorobenzene *1,3,5 Trichlorobenzene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.41	Hàm lượng bromat (BrO_3) *Bromate content*	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4	10
7.42	Hàm lượng alachlor *Alachlor content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.43	Hàm lượng molinate *Molinate content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	6
7.44	Hàm lượng hexachlorobutadiene *Hexachlorobutadiene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13	0,6

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068695
(MTTN26009550.12)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.45	Hàm lượng 1,2-dibromo-3 chloropropane *1,2-dibromo -3-chloropropan content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	1
7.46	Hàm lượng 1,2-dichloropropane *1,2–dicloropropan content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.47	Hàm lượng 1,3-dichloropropene *1,3-dicloropropen content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	20
7.48	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine *Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content*	-	US EPA 536	-	-	100
7.48.1	Atrazine *Atrazine*	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48.2	Atrazine-desethyl *Atrazine-desethyl*	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48.3	Atrazine-desethyl-desisopropyl *Atrazine-desethyl-desisopropyl*	µg/L	US EPA 536	KPH	7	-
7.48.4	Atrazine-desisopropyL *Atrazine-desisopropyL*	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.49	Hàm lượng cyanazine *Cyanazine content*	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2	0,6

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 804). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 804). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.12)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.50	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) *Hydroxyatrazine content*	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	200
7.51	Hàm lượng isoproturon *Isoproturon content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.52	Hàm lượng pendimethalin *Pendimethalin content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3	20
7.53	Hàm lượng propanil *Propanil content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	20
7.54	Hàm lượng simazine *Simazine content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.55	Hàm lượng aldicarb *Aldicarb content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10
7.56	Hàm lượng carbofuran *Carbofuran content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	5
7.57	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất *DDTs content*	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-	1
7.57.1	Hàm lượng 4,4'-DDD *4,4'-DDD content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57.2	Hàm lượng 4,4'-DDE *4,4'-DDE content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57.3	Hàm lượng 4,4'-DDT *4,4'-DDTcontent*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gởi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gởi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068695
(MTTN26009550.12)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.58	Hàm lượng chlordane *Chlordane content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	0,2
7.59	Hàm lượng methoxychlor *Methoxychlor content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.60	Hàm lượng trifluralin *Trifluralin content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.61	Hàm lượng chlorpyrifos *Chlorpyrifos content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5	30
7.62	Permethrin *Permethrin*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1	20
7.63	Hàm lượng 2,4-D *2,4-D content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.64	Hàm lượng 2,4-DB *2,4-DB content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	90
7.65	Hàm lượng MCPA *MCPA content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.66	Hàm lượng dichlorprop (2,4-DP) *Dichlorprop ((2,4-DP) content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	100
7.67	Hàm lượng fenoprop *Fenoprop content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.68	Hàm lượng mecoprop (MCPP) *Mecoprop content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.csk@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.csk@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068695
(MTTN26009550.12)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.69	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng *Gross alpha Radioactivity*	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	0,1
7.70	Hoạt độ phóng xạ beta tổng *Gross beta Radioactivity*	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	1
7.71	Hàm lượng benzen *Benzene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	10
7.72	Hàm lượng ethylbenzen *Ethylbenzene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.73	Hàm lượng styrene *Styrene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	20
7.74	Hàm lượng toluen *Toluene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	700
7.75	Hàm lượng xylene *Xylene content*	µg/L	US EPA 8260D	-	-	500
7.75.1	Hàm lượng (m+p) xylene *m+p-Xylene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.75.2	Hàm lượng o-xylene *o-Xylene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.76	Hàm lượng acid dichloroacetic *Dichloroacetic acid content*	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	50
7.77	Hàm lượng acid monochloroacetic *Monochloroacetic acid content*	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	20

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dlk.csk@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dlk.csk@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.12)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.78	Hàm lượng acid trichloroacetic *Trichloroacetic acid content*	µg/L	US EPA 552.3	< 5,0 (LOQ)	2	200
7.79	Hàm lượng dibromoacetonitrile *Dibromoacetonitrile content*	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	70
7.80	Hàm lượng dichloroacetonitrile *Dichloroacetonitrile content*	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	20
7.81	Hàm lượng trichloroacetonitrile *Trichloroacetonitrile content*	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	1
7.82	Hàm lượng 2,4,6-trichlorophenol *2,4,6-Trichlorophenol content*	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13	200
7.83	Hàm lượng pentachlorophenol *Pentachlorophenol content*	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2	9
7.84	Hàm lượng bromodichloromethane *Bromodichloromethane content*	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	60
7.85	Hàm lượng bromoform *Bromoform content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	100
7.86	Hàm lượng chloroform *Chloroform content*	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs1@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs1@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695 (MTTN26009550.12)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	30/06/2026 Trang/ *Page:* 12/12

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.87	Hàm lượng dibromochloromethane *Dibromochloromethane content*	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	100
7.88	Pseudomonas acruginosa	CFU/100 mL	ISO 16266:2006	< 1[c]	-	< 1
7.89	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1[c]	-	< 1

Ghi chú / *Note*:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / *Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality*
- [HT]: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 18/06/2026. / *Characteristics analyzed on site on 18/06/2026*
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / *National Standard*
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / *United States Environmental Protection Agency*
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
- ISO: International Organization for Standardization / *International Organization for Standardization*
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / *National Technical Regulation*
- KPH: Không phát hiện / *Not detected*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / *Limit of quantification of method*
- [c]: Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / *The result "< 1 CFU" is considered " target organism not - detectable" in the volume of sample analysed*
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / *Colony forming unit*

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng giới đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ❶ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ❷ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ❸ 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326E068695 (MTTN26009550.13)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	30/06/2026 Trang/ *Page:* 1/12

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ
Vị trí lấy mẫu: Nhà dân, 1172 Hùng Vương, Phường Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk .
Thời gian lấy mẫu/ *Sampling date:* 09h30 – 18/06/2026

2. Mô tả mẫu / *Description* : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle, Whirl Pak bag*
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / *Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009550 ngày 18/06/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26009550 dated 18/06/2026*

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 18/06/2026

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 18/06/2026 - 30/06/2026

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm / *Testing result (s)* : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG *HEAD OF ENVIROMENTAL LAB*	**PHÓ GIÁM ĐỐC** *VICE DIRECTOR*
Nguyễn Hoàng Linh	**Phan Thanh Trung**

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068695
(MTTN26009550.13)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Phương pháp lấy mẫu *The name of sampling method*	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa *Sampling for chemical analysis*	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh *Sampling for microbiological analysis*	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.1	Hàm lượng bor tính chung cho cả borat và axit boric (B) *Boron content (Boron and boric acid)*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2,4
7.2	Hàm lượng xyanua tổng (CN) *Cyanide content*	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005	0,05
7.3	Hàm lượng acrylamide *Acrylamide content*	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPH	0,1	0,5
7.4	Hàm lượng antimon (Sb) *Antimony content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,02
7.5	Hàm lượng bari (Ba) *Barium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1,3
7.6	Hàm lượng cadmi (Cd) *Cadmium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,003
7.7	Hàm lượng chlorotoluron *Chlorotoluron content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.8	Hàm lượng chì (Pb) *Lead content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,01

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.13)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.9	Hàm lượng clorua (Cl^-) *Chloride content*	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,6	-	250 hoặc 300
7.10	Hàm lượng crom (Cr) *Chromium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,05
7.11	Hàm lượng epiclohydrin *Epiclohydrin content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,4
7.12	Hàm lượng florua (F^-) *Fluoride content*	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03	1,5
7.13	Hàm lượng formaldehyde *Formaldehyde content*	µg/L	QUATEST3 1225:2024	KPH	100	500
7.14	Hàm lượng kẽm (Zn) *Zinc content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2
7.15	Hàm lượng mangan (Mn) *Manganese content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,1
7.16	Hàm lượng monochloramine *Monochloramine content*	µg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	20	3.000
7.17	Hàm lượng natri (Na) *Sodium content*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	10,8	-	200
7.18	Hàm lượng nhôm (Al) *Aluminium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,2
7.19	Hàm lượng niken (Ni) *Nickel content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,07
7.20	Hàm lượng nitrat (NO_3 tính theo N) *Nitrate (NO_3^- as N) content*	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,8	-	11

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.ca@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.ca@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.13)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.21	Hàm lượng nitrit (NO_2^- tính theo N) *Nitrite (NO_2^- as N) content*	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01	0,9
7.22	Hàm lượng selen (Se) *Selenium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,04
7.23	Hàm lượng sulfate (SO_4^{2-}) *Sulfate content*	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,1	250
7.24	Hàm lượng sunfua (S^{2-}) *Sulfide content*	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-} D:2023	KPH	0,02	0,05
7.25	Hàm lượng sắt (Fe) *Iron content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,3
7.26	Hàm lượng thủy ngân (Hg) *Mercury content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002	0,001
7.27	Hàm lượng vinyl chloride *Vinyl chloride content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,3
7.28	Hàm lượng đồng (Cu) *Copper content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1
7.29	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) *Total dissolved solids content*	mg/L	SMEWW 2540C:2023	117	-	1.000
7.30	Độ cứng tổng số (tính theo $CaCO_3$) *Total hardness as $CaCO_3$*	mg/L	SMEWW 2340C:2023	75,2	-	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.13)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.31	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane *1,1,1-trichloroethane content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2.000
7.32	Hàm lượng 1,2-dichloroethane *1,2-dichloroethane content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	30
7.33	Hàm lượng carbon tetrachloride *Carbontetra chloride content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2
7.34	Hàm lượng dichloromethane *Dichloromethane content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5	20
7.35	Hàm lượng 1,2-dichloroethene *1,2-dichloroethene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50
7.36	Hàm lượng tetrachloroethene *Tetrachloroethene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.37	Hàm lượng trichloroethene *Trichloroethene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	8
7.38	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene *1,2-diclorobenzen content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	1.000

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.13)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.39	Hàm lượng monochlorobenzene *Monochlorobenzen content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.40	Hàm lượng tổng trichlorobenzene *Total Trichlorobenzene content*	µg/L	US EPA 8260D	-	-	20
7.40.1	1,2,3-trichlorobenzene *1,2,3 Trichlorobenzene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40.2	1,2,4-trichlorobenzene *1,2,4 Trichlorobenzene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40.3	1,3,5-trichlorobenzene *1,3,5 Trichlorobenzene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.41	Hàm lượng bromat (BrO_3^-) *Bromate content*	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4	10
7.42	Hàm lượng alachlor *Alachlor content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.43	Hàm lượng molinate *Molinate content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	6
7.44	Hàm lượng hexachlorobutadiene *Hexachlorobutadiene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13	0,6

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.13)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.45	Hàm lượng 1,2-dibromo-3 chloropropane *1,2-dibromo -3-chloropropan content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	1
7.46	Hàm lượng 1,2-dichloropropane *1,2-dicloropropan content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.47	Hàm lượng 1,3-dichloropropene *1,3-dicloropropen content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	20
7.48	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine *Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content*	-	US EPA 536	-	-	100
7.48.1	Atrazine *Atrazine*	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48.2	Atrazine-desethyl *Atrazine-desethyl*	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48.3	Atrazine-desethyl-desisopropyl *Atrazine-desethyl-desisopropyl*	µg/L	US EPA 536	KPH	7	-
7.48.4	Atrazine-desisopropyL *Atrazine-desisopropyL*	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.49	Hàm lượng cyanazine *Cyanazine content*	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2	0,6

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.13)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.50	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) *Hydroxyatrazine content*	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	200
7.51	Hàm lượng isoproturon *Isoproturon content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.52	Hàm lượng pendimethalin *Pendimethalin content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3	20
7.53	Hàm lượng propanil *Propanil content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	20
7.54	Hàm lượng simazine *Simazine content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.55	Hàm lượng aldicarb *Aldicarb content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10
7.56	Hàm lượng carbofuran *Carbofuran content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	5
7.57	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất *DDTs content*	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-	1
7.57.1	Hàm lượng 4,4'-DDD *4,4'-DDD content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57.2	Hàm lượng 4,4'-DDE *4,4'-DDE content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57.3	Hàm lượng 4,4'-DDT *4,4'-DDTcontent*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.13)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.58	Hàm lượng chlordane *Chlordane content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	0,2
7.59	Hàm lượng methoxychlor *Methoxychlor content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.60	Hàm lượng trifluralin *Trifluralin content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.61	Hàm lượng chlorpyrifos *Chlorpyrifos content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5	30
7.62	Permethrin *Permethrin*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1	20
7.63	Hàm lượng 2,4-D *2,4-D content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.64	Hàm lượng 2,4-DB *2,4-DB content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	90
7.65	Hàm lượng MCPA *MCPA content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.66	Hàm lượng dichlorprop (2,4-DP) *Dichlorprop ((2,4-DP) content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	100
7.67	Hàm lượng fenoprop *Fenoprop content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.68	Hàm lượng mecoprop (MCPP) *Mecoprop content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068695
(MTTN26009550.13)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.69	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng *Gross alpha Radioactivity*	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	0,1
7.70	Hoạt độ phóng xạ beta tổng *Gross beta Radioactivity*	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	1
7.71	Hàm lượng benzen *Benzene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	10
7.72	Hàm lượng ethylbenzen *Ethylbenzene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.73	Hàm lượng styrene *Styrene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	20
7.74	Hàm lượng toluen *Toluene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	700
7.75	Hàm lượng xylene *Xylene content*	µg/L	US EPA 8260D	-	-	500
7.75.1	Hàm lượng (m+p) xylene *m+p-Xylene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.75.2	Hàm lượng o-xylene *o-Xylene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.76	Hàm lượng acid dichloroacetic *Dichloroacetic acid content*	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	50
7.77	Hàm lượng acid monochloroacetic *Monochloroacetic acid content*	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	20

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068695
(MTTN26009550.13)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.78	Hàm lượng acid trichloroacetic *Trichloroacetic acid content*	µg/L	US EPA 552.3	< 5,0 (LOQ)	2	200
7.79	Hàm lượng dibromoacetonitrile *Dibromoacetonitrile content*	µg/L	US EPA 551.1	< 0,6 (LOQ)	0,2	70
7.80	Hàm lượng dichloroacetonitrile *Dichloroacetonitrile content*	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	20
7.81	Hàm lượng trichloroacetonitrile *Trichloroacetonitrile content*	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	1
7.82	Hàm lượng 2,4,6-trichlorophenol *2,4,6-Trichlorophenol content*	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13	200
7.83	Hàm lượng pentachlorophenol *Pentachlorophenol content*	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2	9
7.84	Hàm lượng bromodichloromethane *Bromodichloromethane content*	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	60
7.85	Hàm lượng bromoform *Bromoform content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	100
7.86	Hàm lượng chloroform *Chloroform content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.13)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.87	Hàm lượng dibromochloromethane *Dibromochloromethane content*	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	100
7.88	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	ISO 16266:2006	< 1[(c)]	-	< 1
7.89	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1[(c)]	-	< 1

Ghi chú / *Note*:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / *Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality*
- [HT]: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 18/06/2026. / *Characteristics analyzed on site on 18/06/2026*
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / *National Standard*
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / *United States Environmental Protection Agency*
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
- ISO: International Organization for Standardization / *International Organization for Standardization*
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / *National Technical Regulation*
- KPH: Không phát hiện / *Not detected*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / *Limit of quantification of method*
- [(c)]: Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / *The result "< 1 CFU" is considered " target organism not - detectable" in the volume of sample analysed*
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / *Colony forming unit*

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ❶ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ❷ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ❸ 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326E068695
(MTTN26009550.14)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ
Vị trí lấy mẫu: Nhà dân, 1122a Hùng Vương, Phường Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk .
Thời gian lấy mẫu/ *Sampling date:* 10h00 – 18/06/2026

2. Mô tả mẫu / *Description* : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle, Whirl Pak bag*
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / *Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009550 ngày 18/06/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26009550 dated 18/06/2026*

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 18/06/2026

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 18/06/2026 - 30/06/2026

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm / *Testing result (s)* : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA - TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Phan Thành Trung

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.14)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Phương pháp lấy mẫu *The name of sampling method*	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa *Sampling for chemical analysis*	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh *Sampling for microbiological analysis*	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.1	Hàm lượng bor tính chung cho cả borat và axit boric (B) *Boron content (Boron and boric acid)*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2,4
7.2	Hàm lượng xyanua tổng (CN^-) *Cyanide content*	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005	0,05
7.3	Hàm lượng acrylamide *Acrylamide content*	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPH	0,1	0,5
7.4	Hàm lượng antimon (Sb) *Antimony content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,02
7.5	Hàm lượng bari (Ba) *Barium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1,3
7.6	Hàm lượng cadmi (Cd) *Cadmium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,003
7.7	Hàm lượng chlorotoluron *Chlorotoluron content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.8	Hàm lượng chì (Pb) *Lead content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,01

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.14)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.9	Hàm lượng clorua (Cl^-) *Chloride content*	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,5	-	250 hoặc 300
7.10	Hàm lượng crom (Cr) *Chromium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,05
7.11	Hàm lượng epiclohydrin *Epiclohydrin content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,4
7.12	Hàm lượng florua (F^-) *Fluoride content*	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03	1,5
7.13	Hàm lượng formaldehyde *Formaldehyde content*	µg/L	QUATEST3 1225:2024	KPH	100	500
7.14	Hàm lượng kẽm (Zn) *Zinc content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2
7.15	Hàm lượng mangan (Mn) *Manganese content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,1
7.16	Hàm lượng monochloramine *Monochloramine content*	µg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	20	3.000
7.17	Hàm lượng natri (Na) *Sodium content*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	10,8	-	200
7.18	Hàm lượng nhôm (Al) *Aluminium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,2
7.19	Hàm lượng niken (Ni) *Nickel content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,07
7.20	Hàm lượng nitrat (NO_3^- tính theo N) *Nitrate (NO_3^- as N) content*	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,7	-	11

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.14)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.21	Hàm lượng nitrit (NO_2 tính theo N) *Nitrite (NO_2^- as N) content*	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01	0,9
7.22	Hàm lượng selen (Se) *Selenium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,04
7.23	Hàm lượng sulfate (SO_4^{2-}) *Sulfate content*	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,1	250
7.24	Hàm lượng sunfua (S^{2-}) *Sulfide content*	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-} D:2023	KPH	0,02	0,05
7.25	Hàm lượng sắt (Fe) *Iron content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,3
7.26	Hàm lượng thủy ngân (Hg) *Mercury content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002	0,001
7.27	Hàm lượng vinyl chloride *Vinyl chloride content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,3
7.28	Hàm lượng đồng (Cu) *Copper content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1
7.29	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) *Total dissolved solids content*	mg/L	SMEWW 2540C:2023	116	-	1.000
7.30	Độ cứng tổng số (tính theo $CaCO_3$) *Total hardness as $CaCO_3$*	mg/L	SMEWW 2340C:2023	74,2	-	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cv@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cv@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068695
(MTTN26009550.14)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.31	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane *1,1,1-trichloroethane content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2.000
7.32	Hàm lượng 1,2-dichloroethane *1,2-dichloroethane content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	30
7.33	Hàm lượng carbon tetrachloride *Carbontetra chloride content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2
7.34	Hàm lượng dichloromethane *Dichloromethane content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5	20
7.35	Hàm lượng 1,2-dichloroethene *1,2-dichloroethene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50
7.36	Hàm lượng tetrachloroethene *Tetrachloroethene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.37	Hàm lượng trichloroethene *Trichloroethene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	8
7.38	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene *1,2-diclorobenzen content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	1.000

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068695
(MTTN26009550.14)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.39	Hàm lượng monochlorobenzene *Monochlorobenzen content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.40	Hàm lượng tổng trichlorobenzene *Total Trichlorobenzene content*	µg/L	US EPA 8260D	-	-	20
7.40.1	1,2,3-trichlorobenzene *1,2,3 Trichlorobenzene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40.2	1,2,4-trichlorobenzene *1,2,4 Trichlorobenzene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40.3	1,3,5-trichlorobenzene *1,3,5 Trichlorobenzene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.41	Hàm lượng bromat (BrO_3^-) *Bromate content*	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4	10
7.42	Hàm lượng alachlor *Alachlor content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.43	Hàm lượng molinate *Molinate content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	6
7.44	Hàm lượng hexachlorobutadiene *Hexachlorobutadiene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13	0,6

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cskh@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cskh@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.14)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.45	Hàm lượng 1,2-dibromo-3 chloropropane *1,2-dibromo -3-chloropropan content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	1
7.46	Hàm lượng 1,2-dichloropropane *1,2–dicloropropan content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.47	Hàm lượng 1,3-dichloropropene *1,3-dicloropropen content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	20
7.48	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine *Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content*	-	US EPA 536	-	-	100
7.48.1	Atrazine *Atrazine*	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48.2	Atrazine-desethyl *Atrazine-desethyl*	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48.3	Atrazine-desethyl-desisopropyl *Atrazine-desethyl-desisopropyl*	µg/L	US EPA 536	KPH	7	-
7.48.4	Atrazine-desisopropyL *Atrazine-desisopropyL*	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.49	Hàm lượng cyanazine *Cyanazine content*	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2	0,6

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated at the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.14)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.50	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) *Hydroxyatrazine content*	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	200
7.51	Hàm lượng isoproturon *Isoproturon content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.52	Hàm lượng pendimethalin *Pendimethalin content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3	20
7.53	Hàm lượng propanil *Propanil content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	20
7.54	Hàm lượng simazine *Simazine content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.55	Hàm lượng aldicarb *Aldicarb content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10
7.56	Hàm lượng carbofuran *Carbofuran content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	5
7.57	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất *DDTs content*	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-	1
7.57.1	Hàm lượng 4,4'-DDD *4,4'-DDD content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57.2	Hàm lượng 4,4'-DDE *4,4'-DDE content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57.3	Hàm lượng 4,4'-DDT *4,4'-DDTcontent*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.14)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.58	Hàm lượng chlordane *Chlordane content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	0,2
7.59	Hàm lượng methoxychlor *Methoxychlor content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.60	Hàm lượng trifluralin *Trifluralin content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.61	Hàm lượng chlorpyrifos *Chlorpyrifos content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5	30
7.62	Permethrin *Permethrin*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1	20
7.63	Hàm lượng 2,4-D *2,4-D content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.64	Hàm lượng 2,4-DB *2,4-DB content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	90
7.65	Hàm lượng MCPA *MCPA content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.66	Hàm lượng dichlorprop (2,4-DP) *Dichlorprop ((2,4-DP) content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	100
7.67	Hàm lượng fenoprop *Fenoprop content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.68	Hàm lượng mecoprop (MCPP) *Mecoprop content*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs1@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs1@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.69	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng *Gross alpha Radioactivity*	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	0,1
7.70	Hoạt độ phóng xạ beta tổng *Gross beta Radioactivity*	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	1
7.71	Hàm lượng benzen *Benzene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	10
7.72	Hàm lượng ethylbenzen *Ethylbenzene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.73	Hàm lượng styrene *Styrene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	20
7.74	Hàm lượng toluen *Toluene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	700
7.75	Hàm lượng xylene *Xylene content*	µg/L	US EPA 8260D	-	-	500
7.75.1	Hàm lượng (m+p) xylene *m+p-Xylene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.75.2	Hàm lượng o-xylene *o-Xylene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.76	Hàm lượng acid dichloroacetic *Dichloroacetic acid content*	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	50
7.77	Hàm lượng acid monochloroacetic *Monochloroacetic acid content*	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	20

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.14)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.78	Hàm lượng acid trichloroacetic *Trichloroacetic acid content*	µg/L	US EPA 552.3	5,1	-	200
7.79	Hàm lượng dibromoacetonitrile *Dibromoacetonitrile content*	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	70
7.80	Hàm lượng dichloroacetonitrile *Dichloroacetonitrile content*	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	20
7.81	Hàm lượng trichloroacetonitrile *Trichloroacetonitrile content*	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	1
7.82	Hàm lượng 2,4,6-trichlorophenol *2,4,6-Trichlorophenol content*	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13	200
7.83	Hàm lượng pentachlorophenol *Pentachlorophenol content*	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2	9
7.84	Hàm lượng bromodichloromethane *Bromodichloromethane content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	60
7.85	Hàm lượng bromoform *Bromoform content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	100
7.86	Hàm lượng chloroform *Chloroform content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited or conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.14)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.87	Hàm lượng dibromochloromethane *Dibromochloromethane content*	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	100
7.88	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	ISO 16266:2006	< 1[c]	-	< 1
7.89	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1[c]	-	< 1

Ghi chú / *Note*:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / *Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality*
- [HT]: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 18/06/2026. / *Characteristics analyzed on site on 18/06/2026*
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / *National Standard*
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / *United States Environmental Protection Agency*
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
- ISO: International Organization for Standardization / *International Organization for Standardization*
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / *National Technical Regulation*
- KPH: Không phát hiện / *Not detected*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / *Limit of quantification of method*
- [c]: Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / *The result "< 1 CFU" is considered " target organism not - detectable" in the volume of sample analysed*
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / *Colony forming unit*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.